TÌM VỀ ĐƯỜNG VƯỢT BIỂN

Bút ký của Lê Trần Thụy Thanh Trúc.

***Ban Biên Tập**: Lê Trần Thụy Thanh Trúc là trưởng nữ của anh Lê Thanh Tùng, Chủ Nhiệm Tạp Chí Dân Văn tại Germany. Cháu mới học lớp 2 khi bỏ nước ra đi, nên bút ký này viết bằng Đức Ngữ, được toà soạn TCDV chuyển ngữ, để gởi đến độc giả bốn phương.*

Hôm nay, tôi ngồi viết lại chuyến đi về vùng Châu Á, mà gia đình tôi vừa thực hiện, trong lúc tâm tư còn bồi hồi xúc động…

Thấy "tour" du lịch có đoạn tàu thủy đi từ Singapore về Saigon, tôi liền mời ba mẹ tôi đi chơi với gia đình tôi. Điều quan trọng là làm sao thuyết phục được ba tôi cùng đi, vì chính ba tôi là người đã mua ghe, mua máy để đem cả gia đình tôi, (gồm ba mẹ và 3 chị em gái chúng tôi) vượt biển tìm tự do. Tính đến nay đã hơn 34 năm, ba tôi chưa một lần trở lại Saigon, vì ông không bao giờ muốn về lại VN khi còn người CS cầm quyền…

Tôi đã lập gia đình được 14 năm với một thanh niên Đức,

lớn hơn tôi 3 tuổi. Chúng tôi đã có với nhau 2 con trai. Chồng tôi, Michael, lại tò mò muốn biết nơi tôi sinh ra, nơi tôi học lớp 1, lớp 2. Động cơ này càng làm cho tôi mong muốn ghé lại Saigon. Chồng tôi đồng ý đóng cửa văn phòng Luật Sư của anh ấy để cùng đi với mẹ con tôi. Các con tôi lại được nghỉ học hơn 2 tuần lễ nhân dịp Giáng Sinh và năm mới… Mẹ tôi cho biết, nếu Ba tôi không xuống Saigon, thì ở lại trên tầu, không trở ngại gì cả.

Thế là, chúng tôi bay từ Düsseldorf đến Băng cốc, Thái Lan ngày 22/12/2013, đón giao thừa và năm mới trên biển khi du thuyền Aida đang đi từ Singapore đến cửa biển Vũng Tàu…, và về lại Đức ngày 07/01/2014.

Trước đây, năm 1980, lúc đó tôi mới 8 tuổi, Ba tôi đã quyết định phải đi khỏi Việt Nam, vì với lý lịch của ông là sĩ quan QL/VNCH, di cư năm 1954, thì chắc chắn, các con ông không bao giờ được học đại học. Thời gian này, CSVN còn kiểm soát rất gắt gao, trong khi công an khu vực luôn luôn dòm ngó đến những nhà dân trong tổ dân phố.

Với bản tính liều lĩnh của một sĩ quan tác chiến, ba tôi bỏ tiền ra mua một chiếc ghe đi trên sông khi người em trai của mẹ tôi, đồng ý cùng "đi". Đó là cậu Trần Văn Vinh, nguyên là công chức quốc phòng thuộc sân bay Biên Hoà trước 75. Chiếc ghe lúc đầu chạy bằng máy đuôi tôm, muốn vượt biển Đông phải mua máy Yamaha ráp vào, vì thế ba tôi đến ông Bảy ở Chợ Quán nhờ lo chuyện máy móc này. Khi máy ráp xong, chiếc ghe bắt đầu chạy trên sông Saigon, đến Nhà Bè, rẽ trái đi ra Vũng Tàu. Cậu Vinh tôi lúc nào cũng ở trên ghe, ròng rã suốt sáu tháng, biết rõ chỗ nào có tầu tuần của bọn CS, để tránh chúng… Một lần, cậu Vinh tôi đã bị bọn tầu tuần bắt vì nghi ngờ là ghe vượt biển, chúng tra tấn đánh đập cậu Vinh rất nặng tay, nhưng cậu nhất định không khai ra sự thật. Cuối cùng, cậu phải hối lộ cho chúng mấy can dầu, mới được chúng thả ra. Vì vụ bắt bớ này mà Ba tôi quyết định khởi hành ngày 23 Tết năm 1980.

Thuyền ra khỏi Vũng Tàu thì bị sóng nhồi dữ dội. Cả ghe đều bị say sóng, chỉ còn Ba tôi tỉnh táo, nên ghe phải quay về. Tới sông Saigon khoảng 7 giờ sáng, ba tôi tấp ghe vào khu vực gần cầu Calmet, ra dấu từng người lên bờ, rồi đem ghe đi dấu trong cư xá Thanh Đa. Trên ghe còn đầy đủ lương thực, vì chưa người nào ăn uống được do say sóng. Khẩu súng K54 và 2 băng đạn, 3 trái "si nhan" được dấu một nơi bí mật trên ghe.

Khoảng hơn một tháng sau, ngày 02/02/1980, ba tôi quyết định „đi" một chuyến nữa. Lần này lại gặp gió chướng, sóng đánh bung mũi ghe, làm chiếc ghe dựng đứng. Mọi người đều say sóng, gục ngã hết trơn, cũng chỉ còn mình ba tôi tỉnh táo, đành phải trở về. Vào ngày 08/02/1980, ba tôi chở chúng tôi về dự giỗ đầu bà nội. Ba tôi đã gục khóc trước bàn thờ và khấn nguyện xin bà linh thiêng phù hộ cho gia đình tôi đi được trót lọt. Ba tôi cũng uất ức và tự hỏi, tại sao người ta đi được mà gia đình tôi đi không được, mà phải trở về 2 lần. Cuối cùng mẹ tôi đã phải đích thân ra Vũng Tàu, hỏi ông xui gia với ông ngoại tôi, làm nghề đánh cá. Ông cho biết, với cái ghe nhỏ đi trong sông thì chỉ có thể vượt biển vào tháng 3 Âm lịch, tức khoảng tháng 4 dương lịch. Một lần nữa chúng tôi rời Saigon ngày 26/04/1980 lúc 20 giờ, ra cửa biển Vũng Tàu…

Khi trở về lần đầu, ba tôi đã bỏ căn nhà bên Thủ Thiêm, về ở nhờ tại nhà bà ngoại tôi, nằm trên Xa Lộ Biên Hoà, dưới chân cầu Phan Thanh Giản. Vì nhà nằm ngoài mặt đường nên lối xóm ít để ý đến những nhà bên cạnh. Căn nhà ba tôi bên Thủ Thiêm là do Công Ty Cấp Nước (Saigon Thủy Cục cũ) cấp, lúc ông còn làm việc tại đó. Bọn CS lưu dụng ba tôi đến tháng 6/1976 thì cho ba tôi nghỉ việc để đi "kinh tế mới", nhưng ba tôi nhất định bám trụ tại Saigon. Vì ba tôi bị thương và trở thành Thương Phế binh trước khi ký hiệp định Paris nên không bị bọn CS bắt đi tù "cải tạo" như các người bạn của ba tôi.

Tôi và đứa em gái kế sinh ra tại căn nhà số 11Đ, Đại Lộ Hùng Vương. Đây là căn nhà Phế Binh do chính mồ hôi và

công sức của ba tôi tạo nên, nhưng sau ngày 30/04/1975, ba tôi đã bán rẻ căn nhà này để về tá túc bên nhà bà ngoại tôi vì lý do an ninh của cá nhân ba tôi. Cuộc đời của ba tôi thật sóng gió, lúc 9 tuổi, đã phải theo GĐ di cư vào Nam tìm tự do, bây giờ, năm 1980, 35 tuổi lại phải ra đi một lần nữa. Lần này, rất nguy hiểm, nếu bị chúng bắt thì đi tù không có ngày về; còn đi thoát ra biển Đông, thì 9 phần chết chỉ có một phần sống vì chiếc ghe quá nhỏ bé đối với sóng gió của đại dương bao la. Trước đó, ba tôi đã thưa chuyện với ông nội tôi để đem cô út tôi theo, nhưng ông không chịu, vì lúc đó cô tôi đã tốt nghiệp Đại Học và đã đi dạy học cấp 3 tại trường Trung học Nguyễn Du trong cư xá SQ Bắc Hải.

Ghe quay về lần thứ hai đúng vào ngày giỗ đầu Bà Nội tôi. Vì thấy việc ra đi quá gian khổ và thập phần nguy hiểm, ông nội nói với ba tôi,

- Để mẹ con nó ở nhà, một mình anh đi thôi.

Nhưng ba tôi đã thưa với ông nội,

- Gia đình con đi hết, sống thì sống hết, còn chết thì chết hết.

Thấy quyết tâm của ba tôi, ông nội đành chịu, phó mặc cho định mệnh, chỉ còn biết cầu nguyện cho đứa con trai út của ông.

Khoảng 20 giờ ngày 26/04/1980, mẹ tôi, mợ Vinh (vợ cậu Vinh tôi) và 3 chị em gái tôi được đưa lên chiếc ghe chính tại chợ Thị Nghè, chạy dọc theo con rạch này ra sông Saigon, tấp vào cạnh nhà hàng nổi Mỹ Cảnh đón số thanh niên trong giòng họ mà ba tôi hứa với bà con họ hàng đem họ ra đi. Xong xuôi, thuyền rời bến, xuôi giòng sông theo hướng Nhà Bè. Cậu Vinh tôi lái chiếc xuồng ba lá với máy đuôi tôm, chạy trước khoảng 1 cây số, làm đơn vị tiền sát, nếu gặp tàu tuần thì quay về báo động để chiếc ghe chính tấp vào những con rạch nhỏ "trốn chúng". Trên lộ trình này, ghe chúng tôi phải tấp vào rạch mấy lần vì tầu tuần của công an VC, chạy kiểm

soát thường xuyên. Đến bãi cát vàng sát bên Vũng Tàu thì trời đã sáng trưng, không thể ra của biển vào giờ này, nên ghe phải chạy vào một con rạch nhỏ, cây cối um tùm, chờ đến 3 giờ sáng đi theo các ghe đánh cá cùng ra cửa biển Vũng Tàu. Cậu Vinh tôi đã rõ giờ giấc các ghe đánh cá đi ra biển, sau mấy tháng gắn bó với chiếc ghe, làm quen với đường đi bằng cách chạy ra đây đốn vài bó củi, lại chạy về Saigon.

Vừa chạy được hơn nửa tiếng, thì ghe gặp dàn đáy ngang với phao số không. Cậu Vinh cho biết phải tránh dàn đáy, vì ghe vướng vào, lưới cá quấn chặt chân vịt thì vô phương đi

Những thuyền nhân may mắn đang chờ tàu Cap Anamur vớt.

được. Đúng lúc này một tuần tuần của VC chiếu đèn pha quét ngang ghe chúng tôi. Mau thay, trước đó ba tôi đã bắt mọi người chui hết vào khoang, không được nói chuyện lớn tiếng. Thế là ghe chúng tôi nhập chung với vài chục ghe đánh cá chạy ra khơi Vũng Tàu. Theo sự tính toán và với tốc độ của chiếc ghe, thì khoảng 10 giờ sáng là ra đến hải phận quốc tế, tức đường tàu buôn, lúc đó lấy hướng Nam, chạy khoảng một ngày một đêm, bẻ hướng Đông để vào bờ biển Mã Lai Á. Trên tấm hải đồ, ba tôi đã vẽ và viết rõ ràng để các người lái ghe theo đó làm.

Cũng nói thêm ở đây, sau 2 lần trở về, ba tôi nghĩ là phải có một sĩ quan Hải Quân mới có thể đi được nên ông đã đi tìm người sĩ quan này. Chú Nguyễn Gia Bảo, khoá 24 SQHQ, người đã tận tình chỉ dẫn cho ba tôi suốt một tuần lễ về những điều căn bản khi đi biển. Ba tôi có mời chú Bảo đi theo, nhưng vì lý do gia cảnh, chú Bảo ở lại. Ba tôi được một người quen giới thiệu một chú HQ mới đi tù "cải tạo" về. Ba tôi chỉ cần người lái ghe, việc đi đứng do ba tôi vẽ phóng đồ, sắp xếp và chỉ huy. Không ngờ chú này đã tính một hải lý bằng một cây số nên đã bẻ lái quá sớm, đúng vào cái vùng mà bọn hải tặc đang hoành hành. Ba tôi chỉ nói nhỏ cho mẹ tôi biết điều này, sợ cả ghe sẽ xôn xao, mất bình tĩnh…

Hơn 10 giờ sáng, ngày 28/04/1980, chúng tôi gặp ngay một tàu dầu rất lớn của Panama, chạy cách ghe chúng tôi không tới 100 mét, trông rõ mồn một những người trên boong tàu, giữa ban ngày ban mặt như vậy.

Ghe chạy về hướng Nam giữ và theo đường tàu buôn, cả ngày. Chúng tôi gặp thêm 3 chiếc tàu sắt rất lớn, nhưng chúng bỏ chạy luôn, chẳng giúp hay vớt chúng tôi. Đến giữa trưa, trời nắng chang chang, ba tôi cho neo ghe để tắm biển. Tất cả các chú biết lội đều nhảy xuống biển tắm thoải mái. Trên ghe nước và lương thực vẫn còn đủ để đi trong một tuần nữa.

Chạy thêm hai ngày, gặp vài chiếc tàu sắt, và một số ghe đánh cá, tất cả đều làm ngơ dù chúng tôi đã làm đủ mọi cách xin cấp cứu. Chỉ duy nhất một ghe đánh cá của Singapore đã cho chúng tôi 2 thùng bánh bích quy và một can nước ngọt.

Bỗng lúc 10 giờ 47 phút sáng ngày 01/05/1980, một chiếc trực thăng bay lượn quanh ghe chúng tôi và ra dấu cho ghe chạy về hướng Tây. Ba tôi xem hải bàn, ra lệnh tắt máy ghe và thả trôi, vì hướng Tây là hướng chạy về lại VN… Chỉ khoảng nửa tiếng sau, một chiếc tầu sắt rất lớn "lù lù" xuất hiện, bên hông sơn hàng chữ tiếng Pháp PORT DE LUMIERE (Hải Cảng của Ánh Sáng). Trên boong tầu, có người Việt bắc loa

chiã xuống ghe, bảo tất cả phải bình tĩnh,

- Tàu CAP ANAMUR sẽ vớt đồng bào.

Ba tôi ra lệnh, chia ra ngồi hai bên ghe,tránh nghiêng một bên có thể lật ghe. Rồi đàn ông, thanh niên được đưa lên tầu bằng những thang giây, trong khi đàn bà, con nít thì được cần cẩu đưa lên. Đây là kỷ niệm mà cả 45 người sẽ nhớ ơn suốt đời: 10 giờ 47 phút ngày Quốc Tế Lao Động 01/05/1980, tàu Cap Anamur đã cứu sống chúng tôi.

Tàu tiếp tục chạy dọc theo bờ biển VN để tìm ghe vượt biển. Mỗi ngày vớt được một ghe, 12 ngày vớt được 12 ghe, tổng cộng 464 người. Ngày 12/05/1980, tàu đem số người được vớt gởi tại Singapore. Nơi đây, chúng tôi ở trại tạm cư, trên đường Hawkins, gần 2 tháng.

Ngày 09/07/1980, chúng tôi được đưa qua sống tại Tây Đức bằng máy bay. Cũng xin nói thêm, Cao Ủy Tị Nạn LHQ, phát cho mỗi người 2,50 đô la Singapore, một tuần phát một lần, tất cả tự túc nấu ăn. Vị Trại Trưởng là một trung tá QLVNCH, đã cho mời ba tôi lên văn phòng trại làm việc giúp đồng bào. Mặc dù "chưa hoàn hồn" nhưng ba tôi cũng sốt sắng và vui vẻ nhận lời làm Trưởng Ban Nội Vụ.

Người Singapore rất giàu và có lòng thương người. Hàng tuần họ đã đem đến trại cho rất nhiều quần áo và đồ ăn, mỗi lần cả bao bố lạp xưởng. Ba tôi phải điều động một số thanh niên khuân vác các tặng phẩm đem chất vào kho. Khi người của mỗi ghe vào trại, ba tôi phân phát quần áo và thức ăn tồn trữ có trong kho. Đến lúc gia đình tôi đi định cư, hai kho quần áo và thức ăn vẫn còn rất nhiều. Có lẽ vì được phát tiền, tự do mua bán nên số người trong trại không tha thiết với các vật dụng cho không chăng?

Đến Đức vào mùa hè, chúng tôi được đưa vào trại ở tạm một tuần lễ, sau đó xe buýt chở về nơi mà cơ quan chính quyền Tiểu bang đã phân chia, làng Wulfen, thành Phố Dorsten, tỉnh Recklinghausen, Tiểu Bang Nordrhein Westfalen. Hơn một

chục gia đình do cộng đoàn Công Giáo địa phương đã đón tiếp chúng tôi tại đây. Họ khoản đãi chúng tôi một bữa cơm rất ngon miệng. Sở dĩ đãi cơm vì các vị trong cộng đoàn Đức đã tìm hiểu là người VN thích ăn cơm, và là món ăn chính hàng ngày. Người thông dịch cho chúng tôi là Sư Huynh Hà Đậu Đồng, từ Münster tới, cách hơn 60 cây số. Sư Huynh đã không quản ngại, đến nhà hội giáo xứ để chào mừng và thông dịch cho đồng bào. Nghiã cử này của Sư Huynh Đồng thật quý hoá. Cho đến bây giờ sau hơn 34 năm, gặp lại, Sư Huynh vẫn còn nhớ đến chúng tôi. Ở đây, mỗi gia đình đã được chính quyền thành phố thuê cho mỗi gia đình một căn nhà, với giường ngủ, chăn mền đầy đủ, thêm tủ lạnh, bếp núc, nồi niêu, xoong chảo và một ít diã, muỗng, niã...

Gần một tháng sau, tất cả mười gia đình chúng tôi được đưa đến trường để học tiếng Đức. Tuỳ theo số tuổi, được chia thành nhiều lớp. Qua năm sau các cháu học tiểu học được cho vào học chung với học sinh Đức. Anh chị lớn tuổi hơn, học trung học thì vào trường Gesamtschule. Cuộc sống đã ổn định, nhưng rất buồn tẻ vì nơi đây là một làng nhỏ, không sầm uất như các chỗ khác. Trong bữa cơm, ba tôi luôn luôn kể cho chúng tôi nghe, vì sao ông đã đem chúng tôi vượt biển tìm tự do. Ước nguyện của ông là mong các con cố gắng học hành. Suốt mười mấy năm trời, điệp khúc này được ba tôi nhắc đi nhắc lại. Khi chúng tôi lên trung học, ông còn nhấn mạnh,

- Ông nội muốn ba học nhưng vì Cộng Sản gây chiến tranh nên ba đã không học xong mà phải vào lính để chống lại bọn người khát máu. Nay các con thay ba học xong đại học để ông nội vui nghe!

Cả 3 chị em tôi nghe riết nó thấm vào đầu nên đứa nào cũng cố gắng học cho xong để ba tôi được mãn nguyện. Lần lượt chúng tôi đều đậu Tú Tài một cách dễ dàng. Tôi ghi danh vào đại học Münster và đậu Cử Nhân Hoá Phẩm. Vừa đi làm, tôi học tiếp lấy thêm bằng Luật Sư về sáng chế. Năm 2012, tôi học xong bằng Cử Nhân Kinh Tế. Em gái kế tôi đậu Cử Nhân

Quản Trị Xí Nghiệp sớm nhất, năm 96. Em thứ ba tốt nghiệp Cử Nhân Kinh tế. Năm 88, mẹ tôi sinh thêm một em gái, thua tôi đúng 17 tuổi. Cô này, năm lớp 10 thi tiếng Anh đậu điểm cao được học bổng qua Mỹ học chung với học sinh Mỹ lớp 11. Trở về lại Đức, em đỗ Tú Tài, lên Đại Học. Em học chương trình tiếng Anh là chính. Năm 2012, em lấy bằng Cử Nhân, và đang học tiếp để lấy bằng Cao Học về Thương Mại Quốc Tế.

Từ ngày tôi có trí khôn, tôi thấy ba tôi đúng là một người cha hoàn hảo, lúc nào cũng ngọt ngào với con cái nhưng rất nghiêm khắc trong việc học hành. Ngược lại, trong vấn đề

Các thuyền nhân đang được đưa lên tàu Cap Anamur

hôn nhân, ba tôi rất phóng khoáng. Lúc đi thực tập tại tỉnh Bremen, tôi quen chồng tôi bây giờ. Anh đang thực tập Luật Sư tại đó. Mẹ tôi không thích con gái lấy chồng ngoại quốc, nên tôi chỉ kể cho mợ Vinh biết việc tôi quen biết với Michael. Ba tôi biết việc này, đã gọi và nói với tôi,

- Việc lập gia đình với người nào, ba không cấm, nhưng phải có đám cưới đàng hoàng. Tuyệt đối không được ở với nhau như bạn gái, bạn trai.

Michael đã đến thưa chuyện với ba tôi, để xin phép cho

chúng tôi làm đám cưới. Lúc đó, mẹ tôi vắng nhà vì phải về Saigon chịu tang ông nội. Lễ cưới của chúng tôi được cử hành đúng theo phong tục, tập quán của người VN.

Năm 1981, đài truyền hình số 2 (ZDF) của Đức đã chiếu một cuốn phim dài gần 1 giờ, cảnh tàu Cap Anamur vớt người tại Biển Đông, trong đó đã quay thật rõ cái ghe của chúng tôi. Cái cánh quạt của máy phụ đã bị gãy, nên người phóng viên nói là khó có thể đi đến bờ được. Tên cuốn phim phóng sự là: **"Một Milimét Qua Bờ Kia Của Thế Giới"***. Đặc biệt, 2 lần phóng viên đài truyền hình đã đến quay cảnh sinh hoạt gia đình chúng tôi, tiêu biểu cho các người VN tị nạn CS được tàu Cap Anamur cứu vớt, đã hội nhập và thành đạt tại nước Đức. Đoạn phim này được chiếu trên đài truyền hình quốc Gia Đức năm 2006 và 2008.

Ba tôi từng nói nhiều lần, gia đình ông nội ở ngoài Bắc thuộc một giòng họ phò vua Lê, chiến thắng quân Minh, gốc thuộc vùng Thanh Hoá. Ông cố tổ được vua Lê sắc phong và cho trấn nhậm tại tỉnh Hà Đông bây giờ. Sau năm 1954, bọn CS đã tịch thu hết đất đai, nhà cửa. Một người em ruột của ông nội tôi do được chúng tuyên truyền nên ở lại, bị đấu tố đến chết trong phong trào "cải cách ruộng đất". Chúng chia nhau từng viên gạch. Trong lúc phá bỏ khu nhà thờ họ, rơi ra một cuốn gia phả hơn 300 năm, bằng chữ Hán. Cả họ ngoài Bắc không một ai đọc được, chỉ duy nhất, người bác ruột của tôi, là GS Lê Hoà, tốt nghiệp Cử Nhân Việt-Hán trước 1975 mới đọc được. Đến năm 1984, bác tôi qua Đức đoàn tụ với con, và đã tạ thế, nên việc dịch ra tiếng Việt cuốn gia phả bị đình trệ, thật đáng tiếc. Di cư vào Nam, bỏ hết của cải ngoài đó, nên ba tôi chưa được hưởng sự sung sướng bao nhiêu. Vì thế, ba tôi quyết tâm không để cho các con ông phải chịu khổ sở.

Đến năm 1980, sống với loài quỷ được 5 năm, ba tôi đã có một quyết định thật sáng suốt, mua ghe, mua máy để tổ chức đem vợ con vượt biển tìm tự do. Đúng là tìm sự sống trong cái chết, Trời Phật đã đoái thương nên được tàu Cap Anamur

vớt ngoài biển Đông. Ngày hôm nay, bốn chị em chúng tôi đã được ba mẹ tôi cho một tài sản vô giá, đó là sự thành đạt học vấn. Đi làm ngoài xã hội Đức, đứa nào cũng có địa vị; hai người con rể, một có bằng Tiến Sĩ Luật, hành nghề Luật Sư. Người con rể thứ hai là một Bác Sĩ, hiện làm Giám Đốc một bệnh viện tại tỉnh Essen, sát cạnh tỉnh Bochum, nơi gia đình tôi đang sinh sống.

Thập niên 1980, ba mẹ tôi hay chở chị em chúng tôi đi các nơi tại Châu Âu, nhất là tham dự các cuộc biểu tình chống bọn cầm quyền CSVN, vì chúng đem cái thứ chủ nghiã không tưởng về làm khổ toàn dân, phá nát kỷ cương văn hoá của tổ tiên. Còn bọn quỷ đỏ thì đất nước sẽ lụn bại. Chưa có một thời kỳ nào trong lịch sử, mà người dân quá cực khổ như bây giờ, và trải qua nhiều thảm cảnh. Cả mấy chục ngàn bé gái bị bán qua Campuchia làm nô lệ tình dục, mấy trăm ngàn phụ nữ VN phải đi lấy chồng Tàu, Đại Hàn để phụ giúp gia đình, rồi bị chồng hành hạ, đánh đập đến chết. Không còn sự đau thương nào mà dân tộc không gặp khi phải sống dưới sự cai trị tàn ác của bọn hậu duệ Hồ Chí Minh…

Máy bay đưa gia đình tôi từ phi trường Düsseldorf đến Dubai, Emirates, rồi chuyển máy bay về Băng Cốc, Thái lan. Nơi đây đã có sẵn xe buýt để đưa du khách về tàu Aida, đang đậu tại hải cảng Laem Chabang, cách phi trường Băng Cốc khoảng 50 cây số. Ở trên tàu giống như ở khách sạn, nên chúng tôi cảm thấy rất thoải mái. Vì dân Thái đang biểu tình tại thủ đô nên chúng tôi không thể đi xem các thắng cảnh, các chuà chiền tại đây, vì ở trên tàu sẽ an toàn hơn.

Ngày 25/12, tàu chạy đến đảo Koh Samui. Nơi đây, dân chúng nuôi khỉ để hái dừa cho họ. Trung bình một chú khỉ hái được 1000 trái dừa mỗi ngày. Thật tội nghiệp cho các con vật. Từ hòn đảo này, tàu khởi hành để đến cảng Penang của Mã Lai Á. Vì phải chạy bọc qua mũi của giải đất nên đến ngày 28/12 tàu mới đến hải cảng Penang. Được xuống chơi trong ngày, đến chiều tàu nhổ neo. Kulalumpur, Thủ Đô Mã Lai, không có

cảng cho tàu biển, nên tàu phải đậu tại hải cảng Klang, cách Kulalumpur hơn một giờ xe hơi. Thủ Đô Mã Lai thật sầm uất, xe hơi rất nhiều, không thua gì các thành phố lớn của Châu Âu, với các toà cao ốc với lối kiến trúc thật đẹp mắt.

Tới sáng, chúng tôi tới Singapore. Trước đây, chúng tôi đã ở tạm tại nơi này trong 2 tháng vì tàu vớt, Cap Anamur, đem vào tạm gởi. Singapore bé tí tẹo, nên trong thời gian ở đây, chúng tôi đã đi khắp đất nước này. 34 năm sau quay lại, mọi vật đã thay đổi, chúng tôi không còn nhận ra nữa. Nơi chúng tôi tạm trú trước đây đã thay thế bằng những toà nhà cao ngất, sạch sẽ và tráng lệ.

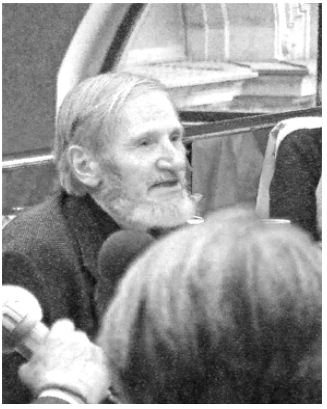

Buổi hội ngộ của thuyền trưởng tàu CaP Anamur với các thuyền nhân, 25 năm sau

Đúng 18 giờ ngày 31/12, tàu Aida nhổ neo, trực chỉ Vũng Tàu. Nửa đêm, tàu đốt pháo đón giao thừa. Lần đầu tiên từ ngày sống kiếp tha hương, gia đình tôi đón mừng Năm Mới trên biển cả. Cũng có màn khui rượu để uống chúc tụng lẫn nhau, rồi ôm nhau khiêu vũ trên boong tàu.

Con đường đến Vũng Tàu giống y chang lúc tàu Cap Anamur đem chúng tôi vào gởi ở Singapore. Ba tôi thật sự xúc động khi nhớ đến đoạn đường gian truân xưa.

Tàu đến cửa biển Vũng Tàu lúc 4 giờ sáng vì thế trời còn tối, chưa nhìn rõ cảnh vật. Đúng 8 giờ sáng ngày 03/01/2014, tàu cập bến tàu Nhà Bè. Chính nơi đây, năm 1969, ba tôi đã đóng BCH Đại Đội BĐQ của ông. Lúc đó, hãy còn các dãy nhà tiền chế đơn sơ. Đơn vị Hải Quân Hoa Kỳ đồn trú cách xa gần 1 km. Cũng vì thế nên đã mọc lên các quán Bar Mỹ. Bên kia là Rừng Sát, trước đây hoang vu, nay dân chúng đã ở

khắp nơi.

Tàu ngừng hẳn khi cập cảng. Ba tôi đã thức từ 5 giờ sáng. Ông đứng lặng yên trên boong tàu lòng đầy xúc động. Ông đã chỉ cho chồng tôi biết nơi ông đóng quân tại đây 45 năm về trước.

Theo lịch trình, tất cả du khách khoảng 1800 người xuống tàu đi theo các tour bằng xe buýt chờ sẵn bên dưới. Một số có gia đình đón. Trên chuyến tàu du lịch này chỉ có gia đình tôi là người VN, thêm một người con rể Đức cùng đi để biết quê hương vợ.

Như đã ấn định, 14 giờ chiều 04/01, tàu Aida rời bến tàu Nhà Bè, trực chỉ Vũng Tàu. Ba tôi đã đứng cùng chúng tôi suốt cuộc hành trình trên boong tàu, chỉ cho Michael biết cái ghe vượt biển nhỏ cỡ nào. Ông cũng chỉ cho Michael trạm kiểm soát của bọn Công An, đã từng bắt giữ và đánh đập cậu tôi… Khi tàu đến cửa biển Vũng Tàu, ba tôi chỉ tay về phiá trái. Đây là dàn đáy mà khi ghe ra biển đã gặp, vẫn còn nguyên đến bây giờ vì người dân vẫn còn sinh sống với nghề đánh cá từ bao đời nay.

Tàu đến Băng Cốc ngày 06/01. Chín giờ tối, chúng tôi lên máy bay về lại Đức, và đến phi trường Düsseldorf ngày hôm sau.

Đây là một chuyến đi du lịch thật giá trị và đáng nhớ. Ba tôi đã chứng kiến lại tận mắt con đường ông đã đem gia đình đi tìm tự do 34 năm về trước với một con thuyền nhỏ bé giữa đại dương. Năm tháng qua, ngày nay con cái của ông đã làm được những điều mà ông mong muốn. Cảm tạ ơn trời.

*** Einen Milimeter über dem Rand der Welt** (tiếng Đức).
***A millimeter Over The Edge Of The World.**

Cuộc Khủng Hoảng Nội Các Nguyễn Cao Kỳ.

Đặng Kim Thu

1. Vài điều về Tướng Nguyễn Ngọc Loan

Trước khi đề cập đến nội các Nguyễn Cao Kỳ bị khủng hoảng, người viết thiết nghĩ cũng cần nói sơ qua về tướng "Sáu Lèo" Nguyễn Ngọc Loan (*Tướng Loan khi nói chuyện với cấp dưới hoặc đồng nghiệp đều tự xưng mình là "Sáu Lèo*) ngõ hầu quý độc giả dễ dàng nắm vững căn nguyên cuả cuộc khủng hoảng, bởi vì mọi chuyện cũng đều do Tướng Loan gây ra, mặc dù công trạng của Tướng Loan cũng nhiều.

Trở ngược lại thời gian tranh chấp giữa Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu và Thủ Tướng Phan Huy Quát, ông Loan lúc bấy giờ là Đại Tá Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội (đảm nhận chức vụ vào tháng 2-65) có công đầu trong vụ "cướp chánh quyền" trong phòng họp một cách dễ dàng từ tay Quốc Trưởng Sửu và Thủ Tướng Quát, để chuyển giao cho hai tướng Thiệu -Kỳ.

Như ở bài trước, người viết có đề cập đến vụ mâu thuẫn giữa ông Sửu và ông Quát, nên ông Quát triệu tập một phiên họp, có đủ cơ quan thẩm quyền để nhờ giải quyết.

Hôm ấy là ngày 11 tháng 5, 1965, một ngày đánh dấu khúc quanh lịch sử của đất nước. Tại Phủ Thủ Tướng, số 7 đường

Thống Nhất, trước giờ họp, Đại Tá Nguyễn Ngọc Loan đã cho an ninh, quân đội, và quân cảnh bố trí bên ngoài, có cả xe thiết giáp giống như một cuộc biểu dương lực lượng. Các chính khách dân sự trước khi vào phòng họp đều bị khám xét, như một áp lực để khủng bố tinh thần. Trong phòng họp có những lời qua tiếng lại đã được đề cập ở bài trước. Sau khi Thủ Tướng Quát tuyên bố từ chức, Tướng Kỳ đứng lên nói thẳng:

Dân biểu Trần Văn Văn

- "Chúng tôi, nhân danh Hội Đồng Quân Lực, yêu cầu Quốc Trưởng giao quyền cho Hội Đồng, để chúng tôi cải tổ cơ cấu chính quyền hầu có hiệu lực chiến đấu chống cộng sản."

Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu đáp lời:

- "Tôi đồng ý từ chức, như Thủ Tướng Quát, nhưng căn cứ theo Hiến Chương tạm thời, thì chỉ có Hội Đồng Quốc Gia Lập Pháp mới có đủ thẩm quyền giao cho Hội Đồng Quân Lực hay không. Riêng tôi chỉ từ chức, nhưng không thể giao quyền cho bất cứ ai được vì không phù hợp với tinh thần của bản Hiến Chương."

Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu liền quay qua hỏi ý kiến Hội Đồng Quốc Gia Lập Pháp, mà Trung Trung Tướng Phạm Xuân Chiểu (đang là Chủ Tịch), và mười hội viên đang hiện diện. Ông Nguyễn Trân, một nhân sĩ thành viên củ Hội Đồng, đừng lên nói:

- "Chúng tôi cần thảo luận với nhau để lấy ý kiến chung. Yêu cầu cho chúng tôi qua phòng họp kế bên."

Đại Tá Loan, dù chưa là tướng nhưng với chức danh Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội nên cũng có mặt trong phòng họp, đứng lên nói:

- "Không, không được! Quý vị tới đây họp thì cho biết ý kiến tại đây. Bộ có âm mưu gì mà muốn họp riêng? Tôi không bảo đảm an ninh cho quý vị nếu quý vị muốn họp riêng."

Đại Tá Loan nói xong liền đảo mắt nhìn các hội viên của Đại Hội Đồng chẳng khác nào như "cáo thấy gà". Ông Loan bắt mạch liền hỏi từng người :

- "Có đồng ý giao quyền cho quân đội không?"

Cách đặt câu hỏi như thế rõ ràng là gây áp lực rồi. Mọi người đều trả lời:

- "Chúng tôi đồng ý giao quyền cho quân đội."

"Công lao" này là của ông Loan đối với Hội Đồng Quan Lực nói chung và với Nội Các Nguyễn Cao Kỳ nói riêng. Sau khi thành công trong vụ dẹp loạn ở miền Trung, bảo vệ được Nội Các Nguyễn Cao Kỳ, Đại Tá Loan có công phát giác và bắt giữ một số cán bộ tình báo cộng sản trà trộn trong nhóm người phản loạn, ông Loan được thăng chuẩn tướng, nắm giữ cả 3 cơ quan tình báo: Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội, Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia, Đặc Ủy Trưởng Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo, và được xem như cánh tay mặt của ông Kỳ. Từ đó, Tướng Loan trở nên "hống hách và lạm quyền" (lời của báo chí lúc đó).

Vào khoảng tháng 10-66, bỗng nhiên ông tự ý bắt giam bác sĩ Nguyễn Tấn Lộc, đang là Đổng Lý Văn Phòng Bộ Y Tế về tội "chia rẽ người Nam và người Bắc", một tội danh không có trong bộ hình luật lúc bấy giờ. Việc lạm quyền này của Tướng Loan gây ra cuộc khủng hoảng nội các rất nghiêm trọng, khiến cho Tướng Kỳ lúng túng phải khó khăn lắm mới giải quyết được.

Khi vụ bắt bớ này xảy ra, các bộ trưởng người miền Nam trong nội các Nguyễn Cao Kỳ rất tức giận. Tất cả 6 vị bộ trưởng người miền Nam, trong đó có bác sĩ Nguyễn Lưu Viên đang là Phó Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, tức là làm phó cho ông Kỳ, đồng loạt đệ đơn từ chức. Các vị này

đều cho rằng việc tùy tiện bắt bớ như thế có tính cách tư thù cá nhân, không dựa vào điều khoản nào trong Bộ Hình Luật. Hơn thế nữa, người bị bắt đang giữ một chức vụ quan trọng của Bộ Y Tế, chỉ đứng sau bộ trưởng mà thôi. Vậy mà Tướng Kỳ không được báo cáo gì cả.

Sự việc này khiến cho các bộ trưởng người miền Nam nhận định rằng hành động của Tướng Loan không những bất hợp pháp, mà còn là một hành vi lạm quyền không thể chấp nhận được của một người đứng đầu cơ quan chấp hành và bảo vệ luật pháp. Nếu không giải quyết một cách thích đáng, hành động này sẽ dẫn tới sự hình thành một chế độ "cảnh sát trị", làm mất lòng dân, gây nguy hại cho nỗ lực xây dựng một thể chế dân chủ cuả chính phủ, và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cộng sản tuyên truyền. Tất cả 6 vị bộ trưởng đồng lòng yêu cầu Tướng Kỳ phải cách chức Tướng Loan. Khi biết được chuyện này, Tướng Kỳ khiển trách Tướng Loan và ra lệnh cho Tướng Loan phải trả tự do ngay lập tức cho bác sị Lộc, nhưng ông Kỳ nhứt định không cách chức ông Loan.

Vài ngày sau, Tướng Kỳ tìm hiểu được sự kiện xảy ra. Bác sỉ Nguyễn Bá Khả, Bộ Trưởng Y Tế, người miền Bắc, vì có mâu thuẫn với bác sĩ Lộc, nên mượn tay Tướng Loan (do chỗ thân tình) làm chuyện lạm quyền đó. Tướng Kỳ liền bãi nhiệm bác sĩ Khả và cử bác sĩ Trần Lữ Y (Trần Louis), người miền Nam, làm bộ trưởng.Thấy thiện chí giải quyết của Tướng Kỳ, sáu vị bộ trưởng đồng ý bỏ qua.

Tưởng đã êm, nào ngờ vài ngày sau, nhật báo Công Chúng, cơ quan ngôn luận chính thức cuả bộ Thông Tin, do Thiếu Tướng Nguyễn Bảo Trị, người miền Bắc, làm bộ trưởng, với tài trợ của Tướng Loan đã đăng một bài báo có những lời lẽ mạ lỵ 6 vị bộ trưởng gốc người miền Nam. Đồng thời, bác sĩ Nguyễn Lưu Viên, Phó Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, nhận được liên tiếp những cú điện thoại hăm doạ tính mạng của ông. Về phần ông Võ Long Triều, Bộ Trưởng Bộ Thanh Niên, cũng báo cáo đã nhận được những lời đe doạ trực

tiếp từ Tươ`1ng Loan, như sau:

- "Báo cho anh biết, tôi có một ngàn cách để trừ khử anh và bác sĩ Nguyễn Lưu Viên."

Nghe báo cáo sự việc như vậy, Tướng Kỳ phản ứng ngay lập tức bằng cách đóng của tờ báo và khiển trách Tướng Loan. Hành động của Tướng Kỳ cũng không xoa dịu được 6 vị bộ trưởng. Làn này, 6 ông cùng ký tên chung trong một bức thư gửi cho Tướng Kỳ, đồng loạt xin từ chức. Những vị đó là:

- Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên, Phó Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương.
- Giáo sư Nguyễn Văn Trường, Bộ Trưởng Giáo Dục.
- Kỹ sư Võ Long Triều, Bộ Trưởng Bộ Thanh Niên & Thể Thao.
- Luật sư Trần ngọc Liễng, Bộ Trưởng Bộ Xã Hội.
- Luật sư Nguyễn Hữu Hùng, Bộ Trưởng Bộ Lao Động.
- Kỹ sư Trương Văn Thuấn, Bộ Trưởng Bộ Giao Thông.

Thêm một người thứ bảy, sau khi công du Hoa Kỳ vừa mới về, nghe qua sự tình cũng đệ đơn xin từ chức luôn. Đó là Bộ Trưởng Bộ Kinh Tế, Tài Chánh Âu Trường Thanh, người miền Nam.

Lúc đó, Tướng Kỳ yêu cầu các bộ trưởng đã xin từ chức hãy ở lại chức vụ cho đến sau chuyến công du Philippines mà ông và Tướng Thiệu - Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, phải tham dự, vì quá cận ngày.

(Hội nghị thượng đỉnh của 7 quốc gia trong tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á (South East Asia Treaty Organization) gọi tắt là SEATO nhằm xác định sự ủng hộ của các quốc gia này đối với Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia Việt Nam, và sẽ hỗ trợ Việt Nam Cộng Hoà chống cộng sản xâm lược.)

Sau khi dự hội nghị về, Tướng Kỳ đích thân gặp gỡ từng người, cố gắng thuyết phục họ tiếp tục ở lại nội các. Ông cũng hứa sẽ khiển trách Tướng Loan.

Cuối cùng có 4 người đồng ý rút lại đơn từ chức. Riêng 3 ông: Võ Long Triều, Âu Trường Thanh, và Nguyễn Văn Trường nhứt định đòi Tướng Kỳ phải cách chức ông Loan nếu muốn họ ở lại. Đây là một yêu sách không thực tế vì Tướng Loan đang nắm cả 3 cơ quan an ninh, tình báo, được coi như hàng rào kiên cố bảo vệ ghế của ông Kỳ. Hơn nữa, Tướng Loan lại là cánh tay mặt, đắc lực được tin cậy nhứt của ông Kỳ. Do đó, ông Kỳ không thế nào thỏa mãn yêu sách đó được. Không còn cách nào khác, Tướng Kỳ đành chấp nhận cho 3 ông từ chức.

Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên

Cuộc khủng hoảng nội các cho thấy tình hình chia rẽ Bắc Nam ngấm ngầm trong giới chính khách dân sự, cũng như giữa quân nhân và dân sự trong chính trường của VNCH.

Về phần Tướng Loan, ông có công trạng cũng nhiều nhưng tai tiếng cũng không phải là ít. Vừa giải quyết xong chuyện khủng hoảng nội các, khi dư luận trong giới theo dõi thời cuộc, và nhứt là giới báo chí, vẫn còn âm ỉ trong lòng về sự chia rẽ Bắc Nam trong chính quyền thì một biến cố mới bất ngờ xảy đến.

Ngày 7 tháng 12 năm 66, dân biểu Trần Văn Văn là một chính khách nổi tiếng, người miền Nam, bị ám sát. Thế là búa rìu du luận lại hoài nghi cho ông Loan. Báo chí đối lập và thiên tả có những bài xã luận ám chỉ Tướng Loan chủ mưu. Họ còn bình luận rằng trong kỳ bầu cử sắp tới, dân biểu Văn sẽ là ứng cử viên sáng giá nhứt, dễ dàng thắng cử trước Tướng Thiệu và Tướng Kỳ. Do đó, Tướng Loan ra tay hạ đối thủ trước. Các bài xã luận đó đã đầu độc dư luận rất hiệu quả khiến có rất nhiều người cũng tin như vậy.

Thật sự thì trong vụ ám sát dân biểu Trần Văn Văn, cơ quan an ninh đã bắt được một đặc công Việt Cộng, tên Đặng Văn Eng, lái xe Honda cho một tên VC khác, ngồi phía sau bắn dân biểu Văn. Tên ngồi sau đã chạy thoát.

Để đánh tan dư luận xấu gán ghép cho mình, Tướng Loan mở cuộc họp báo, đem tên Đặng Văn Eng ra trình diện báo chí để các phóng viên, ký giả trong và ngoài nước phỏng vấn, ngõ hầu giải toả được nỗi oan cho mình. Nhưng mọi người có mặt trong buổi họp báo hôm ấy tỏ ra rất ngạc nhiên trước "dung nhan" của tên Eng: nhỏ con, mặt rỗ, chột mắt. Hắn mới xâm nhập vào đô thành Saigon khoảng 1 tuần trước khi dân biểu Văn bị ám sát.

Trong y phục bà ba đen, dáng điệu bần cố nông, khù khờ, ngơ ngáo, không có một nét lanh lẹ, linh hoạt nào của một tên đặc công thành, khiến mọi người nghĩ rằng tên Việt Công này không đủ bản lĩnh tham gia vào vụ ám sát táo bạo đó.

Các phóng viên thay nhau đặt câu hỏi, tên Eng trả lời ấp úng, lúng túng. Có những câu trả lời không phù hợp theo những điều ghi nhận trên thực tế. Đáng lưu ý là 3 câu hỏi:

- Anh cho biết tên đường chỗ anh và đồn bọn bắn dân biểu Văn?

Tên Eng trả lời không đúng tên đường. Điều này chứng tỏ hắn không thuộc đường phố Saigon.

- Anh biết lái Honda bao lâu rồi?

- *Tập lái khoảng 1 tháng, tại Củ Chi.* (chứng tỏ lái chưa giỏi.)

- Trường hợp nào anh bị bắt mà đồng đội anh chạy thoát.

- *Tôi té xe. Người ngồi sau xe của tôi chạy đâu tôi không thấy.* (Té xe thì 2 người cùng té vì cùng ngồi chung xe mà.)

o O o

Cuộc họp báo có mục đích giải oan cho ông Loan, nhưng

rốt cuộc lại bị phản tác dụng. Hôm sau, nhiều toà soạn nhật báo bị cảnh sát bao vây tịch thu báo vì có những bài châm biếm nội các Nguyễn Cao Kỳ và Tướng Loan. Họ nghĩ rằng buổi họp báo họm trước là cách chính phủ muốn chạy tội.

Trong ngày đưa đám ma dân biểu Văn, số người đi đưa rất đông. Lại có một số truyền đơn rải rác khắp nơi, với nội dung đề quyết ông Văn bị ám sát là do động lực chính trị mà chính Tướng Kỳ và Tướng Loan là những kẻ chủ mưu.

Mãi tới khi cộng sản cưỡng chiếm miền Nam thì chính bọn chúng đã thú nhận rằng chính chúng đã tổ chức ám sát dân biểu Văn và luôn cả giáo sư Nguyễn Văn Bông. Lúc đó những người trước đây đã nghi oan cho Tướng Loan mới vỡ lẽ ra là bọn VC dùng thủ đoạn "ném đá dấu tay" rồi tuyên truyền vu khống cho chính quyền VNCH. Mục đích của chúng là để gây mất lòng tin trong dân chúng và nhứt là giới truyền thông ngoại quốc đối với chính phủ VN, tạo thêm hố chia rẽ giữa các chính khách người miền Nam với người cầm quyền gốc Bắc. Cộng sản là như vậy đó! Họ không từ bỏ bất cứ thủ đoạn hèn hạ nào để dối gạt mọi người hầu đạt mục đích.

2. Nội bộ đá nhau!

Tình trạng chia rẽ Nam Bắc trong chính quyền có vẻ hơi gay gắt, công thêm sự hống hách của Tướng Loan mà Tướng Kỳ lại tỏ thái độ bao che, khiến các chính khách miến Nam hết sức bất mãn. Với tình thế như vậy, Tướng Nguyễn Hữu Có, Phó Chủ Tịch Uỷ Ban Hành Pháp Trung Ương kiêm Bộ Trưởng Quốc Phòng, nảy sinh ý định lật đổ Tướng Kỳ, triệt hạ Tướng Loan, và vài nhân vật với Tướng Kỳ. Lúc bấy giờ, Tướng Có cũng đã được một số đàn em có binh quyền trong tay ủng hộ. Ngoài ra, thế lực ngầm của Tướng Có cũng khá mạnh đến nỗi báo chí thường đề cập đến "Bộ ba quyền lực: Thi, Kỳ, Có". Bây giờ thì Tướng Thi đã lưu vong rồi, nên Tướng Kỳ và Tướng Có là 2 nhân vật nổi nhứt trên chính trường. (Lúc này, vai trò của Tướng Thiệu vẫn còn lu mờ, còn

trong bóng tối.)

Nhưng âm mưu của Tướng có vừa mới nhen núm, còn trong phôi thai thì đã bị Tướng Kỳ phát giác sớm. Tướng Kỳ để cử Tướng Có công du Đài Loan, rồi chụp lên đầu Tướng Có "cái nón tham nhũng", không cho Tướng Có trở về Saigon. Chánh phủ thông báo như vậy, mọi người cũng đều tin như vậy. Tuy nhiên, tron giới làm chính trị, họ không tin lý do của chính phủ được đưa ra, họ nghĩ rằng đây là cái màn "lưỡng hổ tranh hùng". Mãi cho đến tháng 1-1970, khi Tướng Có xin Tổng Thống Thiệu cho về nước để làm đám cưới cho con gái, thì tôi mới có dịp biết rõ hơn về chuyện lưu vong của ông Có, như sau:

Một hôm, lúc tôi đang ở văn phòng thì Tướng Có qua điện thoại xin nói chuyện với Tướng Viên... Sau đó, Tướng Viên gọi tôi vào và bảo tôi gọi điện thoại qua Tổng Hành Dinh Sư Đoàn Nhảy Dù (Trại Hoàng Hoa Thám) yêu cầu cho 1 tiểu đội gác nhà Đại Tướng sớm hơn thường lệ nửa giờ. (5:30 chiều thay vì 6:00 giờ chiều.)

Thường ngày thì Tướng Viên rời văn phòng về nhà lúc 5:30 giờ chiều, nhưng hôm đó ông đã về sớm 30 phút. Khi về tới nhà, ông đã dặn dò tôi không được cho lính gác về nhà. Riêng tôi phải đeo súng trong người và phải theo sát sĩ quan tuỳ viên của Tướng Có, không được rời xa hắn ta. Ông nói thêm:

- "Tôi tiếp Tướng Có từ 6:00 giờ đến 6:30 giờ chiều, Nếu thấy Tướng Có tới mà có xe cận vệ đi theo thì chỉ mở cổng cho xe Tướng Có vô sân nhà tôi. Nếu đúng 6:30 mà ông Có chưa về thì anh tìm cớ gì cho hợp lý để tôi có thể nói khéo cho Tướng Có ra về. Tôi không muốn tiếp Tướng Có lâu hơn."

Tôi đã vào phòng báo với Đại Tướng lúc 6:30 chiều:

- "Thưa đại tướng, trong lịch làm việc hàng tuần có ghi rằng Đại Tướng sẽ tham dự buổi tiếp tân của Đại Tướng Abrams tại Bộ Tư Lệnh MACV lúc 7:00 giờ tối nay." (Lẽ dĩ

nhiên, tôi đã bịa chuyện.)

- "Ừ, anh bảo tài xế và lính hộ tống chuẩn bị sẵn sàng." Đại Tướng Viên nói.

Ngay sau đó Tướng Có đã đứng lên bắt tay Tướng Viên và ra về. Tới giờ cơn tối, khi ngồi vào bàn ăn, tôi có nói với Đại Tướng:

- "Trung Tướng Có lưu vong ở nước ngoài lâu rồi. Ông ta mới về nước, tại sao Đại Tướng phải đề phòng cẩn thận quá vậy, thưa Đại Tướng?"

Ông Thích Trí Quang (Phạm Văn Bồng) đang ngồi biểu tình

Đại Tướng Viên mỉm cười nói:

- "Chú còn trẻ chưa va chạm nhiều, chưa thấy giá trị của việc đề cao cảnh giác. Nhứt là ở trong quân đội, thì chú cần nhiều đề phòng hơn. Tôi sẽ kể cho chú nghe.

Cuối năm 1966, sự chia rẽ giữa người miền Nam và miền Bắc trong chính phủ trở nên rõ ràng, lại thêm Tướng Loan lạm quyền mang đầy tai tiếng. Khi đó, Tướng Có, đang là Phó Chủ Tịch Uỷ Ban Hành Pháp Trung Ương, kiêm Bộ Trưởng Bộ quốc Phòng, thừa cơ hội muốn lật đổ Tướng Kỳ, Tướng Loan và một số tay chân thân tín của ông Kỳ.

Tôi đã nhờ Tướng Mỹ John Colby, Trưởng Phòng Tình Báo của tòa đại sứ Mỹ, thông báo cho tôi biết tin đó. Tôi cũng nói thêm, nếu ông Có lật được ông Kỳ thì ông Có sẽ mới ông Dương Văn Minh về nước tham chính. Tôi cũng hỏi Thiếu Tướng Freund về thái độ của toà đại sứ Mỹ đối với âm mưu của Tướng Có. Ông Freund đã trả lời rằng toà đại sứ Mỹ đang hỗ trợ Tướng Kỳ nên không ủng hộ Tướng Có. Ông ta tiết lộ tin này với tôi để có cách đối phó.

Như chú biết, từ sau ngày đảo chánh 1-11-1963 giết Tổng Thống Diệm, trong bất cứ tình cảnh nào, tôi cũng không làm việc dưới trướng ông Minh dù là một ngày. Tôi không phục ông Minh, cũng như tôi đã suýt bị ông ta sát hại.

Nếu ông Có có ý định mang ông Minh về tham chánh thì tôi phải ra đi hoặc phải giải ngũ. Do đó, tôi buộc lòng phải báo cho Tướng Kỳ và thúc dục ông ta ra tay sớm. Chính tôi đã bày mưu cho Tướng Kỳ thực hiện kế hoạch đưa ông Có đi lưu vong một cách êm thắm.

Như tôi biết thêm, có sự ủng hộ ngầm cửa ông Thiệu khi đối phó với Tướng Có. Nên khi ông Có bị cho đi lưu vong, ông Thiệu dửng dưng không phản ứng, cũng không nói năng gì cả. Biết đâu chừng qua thời gian ở nước ngoài, ông Có đã biết chính tôi là người đã làm ông ta bị lưu vong. Vậy thì phải đề phòng chứ!

Chuyện này cũng xảy ra quá lâu rồi, thấy chú muốn biết nên tôi không dấu. Nhưng chú phải kín miệng.“

Ông kết thúc bằng một câu tiếng Pháp:

- “Toutes les vérité ne sont pas à dire! (Những sự thật không phải nói ra là tốt!) Vậy chú hiểu chứ.”

3. Âm mưu loại Tướng Kỳ bằng pháp lý

Quốc Hội Lập Hiến được bầu vào ngày 11 tháng 9 năm 1966. Phiên họp đầu tiên vào ngày 27 tháng 9 năm 1966 đã long trọng khai mạc mở đầu lại thời kỳ đất nước hiến định để tiến đến nền ĐỆ NHỊ CỘNG HOÀ.

Thành viên Quốc Hội Lập Hiến, chủ tịch là ông Phan Khắc Sửu, gồm 116 dân biểu. Hai khối có nhiều dân biểu nhứt là khối Phục Hưng Miền Nam, thân Trung Tướng Thiệu, và khối Liên Minh Dân Chủ, ủng hộ Thiếu Tướng Kỳ.

Bản dự thảo hiến pháp dựa vào phần lớn nội dung trong 2 bản hiến pháp của Mỹ và Pháp kết hợp lại, cộng thêm vài điều khoản, phù hợp với xã hội và tập quán VN trong thời chiến

tranh.

Vì thế, các điều khoản trong các chương I, II, III được thông qua tương đối nhanh. Tuy nhiên, quốc hội gặp trở ngại khi bắt đầu thảo luận Chương IV: Hành Pháp. Một điều khoản gây tranh cãi sôi nổi nhứt, có lúc gần như cãi nhau giữa các dân biểu, là điều khoản liên quan đến tuổi tác của các ứng cử viên Tổng Thống. Cuộc tranh luận kéo dài 3, 4 ngày vẫn chưa biểu quyết được, vì các thành viên của 2 khối chính đều muốn phát biểu ý kiến.

Các dân biểu thuộc khối Phục Hưng, đa số là người miền Nam, ủng hộ Tướng Thiệu, vì họ vẫn cay cú chưa quên được chuyện lạm quyền của Tướng Loan, cũng như cách giải quyết theo kiểu bao che của Tướng Kỳ trong vụ khủng hoảng nội các trước đó. Hơn nữa, họ lại được hỗ trợ của được sĩ Nguyễn Cao Thăng và ông Nguyễn văn Kiểu, bào huynh của Tướng Thiệu, nên họ đề nghị là tuổi tối thiểu, tính tròn đến ngày bầu cử, là 40 đối với các ứng cử viên tổng thống để nhằm loại bỏ khả năng ứng cử của Tướng Kỳ. (Vào năm 1966, Tướng Kỳ 37 tuổi, Tướng Thiệu 43 tuổi.)

Tình trạng tranh luận này kéo dài có thể làm cho việc ban hành hiến pháp bị trậm chễ. Vả lại, lúc bấy giờ cũng gần tới ngày Tướng Kỳ phải đi Guam dự hội nghị thượng đỉnh Việt-Mỹ vào ngày 20 tháng 3-1967. Do đó, ông Kỳ muốn có bản Hiến Pháp hoàn chỉnh để chứng minh vớiTổng Thống Johnson là VNCH đã ổn định về chính trị và đang tiến đến hình thành một chính phủ dân cử một cách tự do. Vì thế, Tướng Kỳ phải đích thân đi gặp từng người trong khối Phục Hưng, để tìm cách thỏa hiệp để vượt qua bế tắc.

Nhờ sự trợ giúp của ông Đặng Đức khôi, một chính khách thân Tướng Kỳ, nên cuối cùng ông đã đạt được thỏa hiệp. (Không rõ nội dung.) Do đó, Quốc Hội Lập Hiến, đã biểu quyết chấp thuận tuổi tối thiểu đối với ứng cử viên Tổng Thống là 35.

Toàn bộ dự thảo Hiến Pháp được chung quyết vào ngày 18-3-67, kịp lúc Tướng Kỳ đi dự hội nghị thượng đỉnh với Tổng Thống Johnson.

Hiến Pháp của Đệ Nhị Cộng Hoà được ban hành ngày 1-4-67, gồm có 9 chương và 117 điều, (Sau khi ông Kỳ dự hội nghị về.) ngụ ý Quốc Hội Lập Hiến được 117 dân biểu soạn thảo.

Từ đó, tình hình chính trị lắng dịu cho đến ngày bầu cử Tổng Thống và Quốc Hội Lưỡng Viện, vì các chính khách đối lập bận lo chuẩn bị tư thế cho cá nhân mình, chuẩn bị ra ứng cử trong Quốc Hội Lập Pháp. Họ cũng không muốn gây bất ổn

Tướng Thiệu đang đứng trước dinh Độc Lập trả lời đoàn biểu tình do Thích Trí Quang cầm đầu. (Người mặc quân phục, thứ 5 từ trái, đội mũ béret là tác giả)

cho chính phủ nữa. Rõ ràng là nền tảng dân chủ đã được xây dựng lại kể từ sau ngày Đệ Nhứt Cộng Hoà bị đánh đổ, kéo theo thời kỳ xáo trộn chính trị, xã hội nhiễu nhương. Từ lúc đó, sau 4 năm, xã hội lại bắt đầu ổn định.

4. Thượng Tọa Thích Trí Quang phá rối.

Dù tình hình chính trị và xã hội có vẻ khá hơn trước, nhưng Thượng Toạ Thích Trí Quang, thuộc Phật Giáo Ấn Quang,

chưa chịu tĩnh tâm lo Phật sự mà còn muốn quậy cho xã hội thêm rối ren. Khoảng 1 tháng sau ngày Hiến Pháp được ban hành, nhân lúc Hội Đồng An Ninh Quốc Gia đang họp tại dinh Độc Lập, khoảng một ngàn tăng ni, Phật tử, do Trí Quang cầm đầu, đã tụ tập trước cổng chánh đòi gặp hai tướng Thiệu - Kỳ để trình bày nguyện vọng.

Vì muốn xúc tiến việc bầu cử sắp tới được diễn ra tốt đẹp, hai tướng Thiệu-Kỳ đành chấp nhận nhượng bộ đi ra ngoài cổng chánh. Hiện diện cùng 2 ông còn có: bác sĩ Nguyễn Lưu Viên -Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp trung Ương, Trung Tướng Linh Quang Viện -Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ, Đại Tướng Cao Văn Viên -Tham Mưu Trưởng kiêm Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng.

Phiá bên kia đường Thống Nhứt có rất đông tăng, ni, Phật tử nên cảnh sát phải đứng làm hàng rào ngăn cản không cho họ đến gần cổng dinh Độc lập, nơi các ông Thiệu -Kỳ... đang đứng.

Ông Trí Quang đòi hỏi rằng hiến pháp mới ban hành phải có thêm một điều khoản bổ túc là công nhận Phật Giáo là "Quốc Giáo" thì ông mới ra lệnh cho tăng ni, Phật tử giải tán. Nếu không, ông và tăng ni sẽ tiếp tục tụ họp ở đây cho đến khi nào nguyện vọng của họ được thỏa mãn. Ông Kỳ nói:

- "Tôi cũng là Phật tử, tôi cũng thích đạo của tôi được công nhận là "Quốc Giáo". Nhưng hiến pháp không phải do chúng tôi soạn thảo, mà do đại diện của toàn dân soạn ra. Nó là luật pháp cao nhất, mà ngay cả Hành Pháp chúng tôi cũng không được ban hành những luật lệ trái với Hiến Pháp đã quy định."

Tướng Kỳ gạn hỏi Thích Trí Quang:

- "Sao lúc quốc hội soạn thảo hiến pháp, thượng toạ không bày tỏ nguyện vọng đó để các dân biểu lập hiến biểu quyết cho dễ. Bây giờ hiến pháp chính thức đã ban hành, quốc hội lập hiến cũng đã chấm dứt nhiệm vụ. Chúng tôi không có quyền sửa đổi hoặc thêm điều gì vào cả." Khi Trí Quang nói quanh

co không trả lời ngay vào câu hỏi thì Tướng Loan với gương mặt "hầm hầm" xuất hiện sau lưng Tướng Kỳ nói:

- "Thiếu Tướng! Tôi đêm xe bít bùng tới hốt "thằng thầy chùa lửa" này đem đi nhé? Còn cái đám kia, tôi cho xe cứu hoả tới xịt nước giải tán họ là xong. Hơi đâu mà đứng đấu khẩu với đám này."

Tướng Ký quay lại phiá sau nói:

- "Toa có điên không? Làm bậy chọc cho báo chí đã kích mình hay sao? Lo giữ an ninh, trật ự chặt chẽ đi! Đừng có lộn xộn làm cho tình hình rối ren thêm."

Đợi cho Thích Trí Quang dứt lời, Tướng Thiệu nói:

- "Chúng tôi giải quyết nguyện vọng của thượng tọa như vậy là rõ ràng rồi. Chúng tôi còn phải trở vào trong để tiếp tục thảo luận việc quốc gia."

Bên ngoài các tăng ni, Phật tử từ từ tự động giải tán dần. Trí Quang cũng lặng lẽ chuồn êm.

Hôm sau, hầu hết các nhật báo phát hành ở Saigon, kể cả báo đối lập và báo ngoại quốc có chi nhánh ờ Saigon, như: Morning Star, Saigon Post, Saigon Daily News,... đều tường thuật đầy đủ các sự kiện. Có những bài bình luận rất bất lợi cho Thích Trí Quang. Một số tờ khác lại có lời lẽ thiện cảm với ông. Nhưng đa số các nhà bình luận cho rằng chính phủ đã xây đắp được nền dân chủ cho đất nước bằng bản hiến pháp và tình hình chính trị đang có dấu hiệu ổn định. Sự đòi hỏi của Trí Quang không có tính cách xây dựng mà có ý muốn phá rối, gây bất ổn xã hội.

Thế là từ đó, **Trí Quang ẩn dật trong chùa Ấn Quang, ít khi xuất hiện ra ngoài. Không ai hiểu rõ lý do gì, nhưng có một số người có địa vị lúc đó cho rằng "lá bài Thích Trí Quang" đã bị "người đánh bạc" "thiệp" rồi, vì trong ván bài này Trí Quang không còn hữu dụng nữa./.**